



Centers for Disease Control and Prevention
CDC 24/7: Saving Lives, Protecting People™

Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)



Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 23 tháng 8 năm 2020 [ln](#)

TỔNG SỐ CA BỆNH

5,643,812

45,265 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

175,651

1.006 Ca Tử Vong Mới*



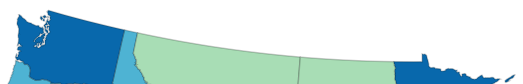
Quý vị muốn biết thêm dữ liệu?

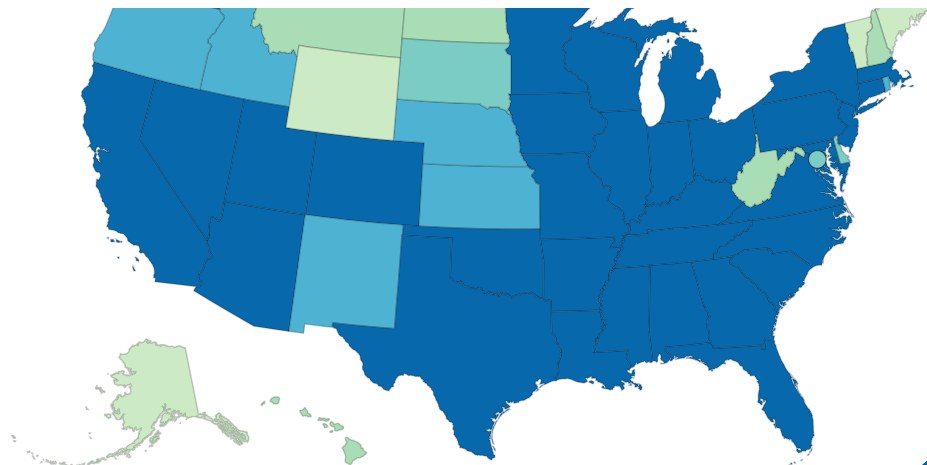
Theo dõi dữ liệu COVID của CDC

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.





AS GU MH FM MP PW PR VI



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

☐ 0 đến 1.000 ☐ 1,001 đến 5,000 ☐ 5,001 đến 10,000 ☐ 10,001 đến 20,000

☐ 20,001 đến 40,000 ☐ 40.001 trở lên

Khu vực phân quyền			
Khu Vực Phân Quyền	Số Ca Bệnh Đã Xác N	Số Ca Bệnh Có Thể Có	Tổng Số Ca
☐ Alabama	109,566	4,966	114,532
☐ Alaska	N/A	N/A	4,677
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	196,318	1,577	197,895
☐ Arkansas	N/A	N/A	56,199
☐ California	N/A	N/A	656,892
☐ Colorado	51,258	3,625	54,883
☐ Connecticut	49,477	2,042	51,519
☐ Delaware	15,881	1,014	16,895
☐ Washington D.C.	N/A	N/A	13,534
☐ Florida	N/A	N/A	591,283
☐ Georgia	N/A	N/A	252,222
☐ Guam	N/A	N/A	767
☐ Hawaii	N/A	N/A	5,864
☐ Idaho	27,637	2,025	29,662
☐ Illinois	218,285	1,417	219,702
☐ Indiana	N/A	N/A	85,317
☐ Iowa	N/A	N/A	55,735
☐ Kansas	35,895	961	36,856
☐ Kentucky	39,755	3,311	43,066
☐ Louisiana	N/A	N/A	141,720

Maine	3,890	445	4,335
Marshall Islands	N/A	N/A	0
Maryland	N/A	N/A	104,102
Massachusetts	115,850	9,418	125,268
Michigan	96,024	10,020	106,044
Micronesia	N/A	N/A	0
Minnesota	N/A	N/A	69,584
Mississippi	75,176	2,718	77,894
Missouri	N/A	N/A	74,257
Montana	6,376	0	6,376
Nebraska	N/A	N/A	31,780
Nevada	N/A	N/A	65,334
New Hampshire	N/A	N/A	7,092
New Jersey	N/A	N/A	189,236
New Mexico	N/A	N/A	24,302
New York	N/A	N/A	430,408
North Carolina	N/A	N/A	153,641
North Dakota	N/A	N/A	9,876
Northern Marianas	54	0	54
Ohio	108,133	6,032	114,165
Oklahoma	52,597	4,516	57,113
Oregon	24,710	0	24,710
Palau	N/A	N/A	0
Pennsylvania	124,802	3,627	128,429
Puerto Rico	13,477	16,419	29,896
Rhode Island	N/A	N/A	21,022
South Carolina	109,962	1,333	111,295
South Dakota	N/A	N/A	11,135
Tennessee	139,184	2,899	142,083
Texas	N/A	N/A	573,139
Utah	49,002	414	49,416
Vermont	N/A	N/A	1,553
Virgin Islands	N/A	N/A	932
Virginia	107,268	4,804	112,072
Washington	N/A	N/A	70,595
West Virginia	9,010	175	9,185
Wisconsin	70,009	4,717	74,726
Wyoming	3,009	534	3,543

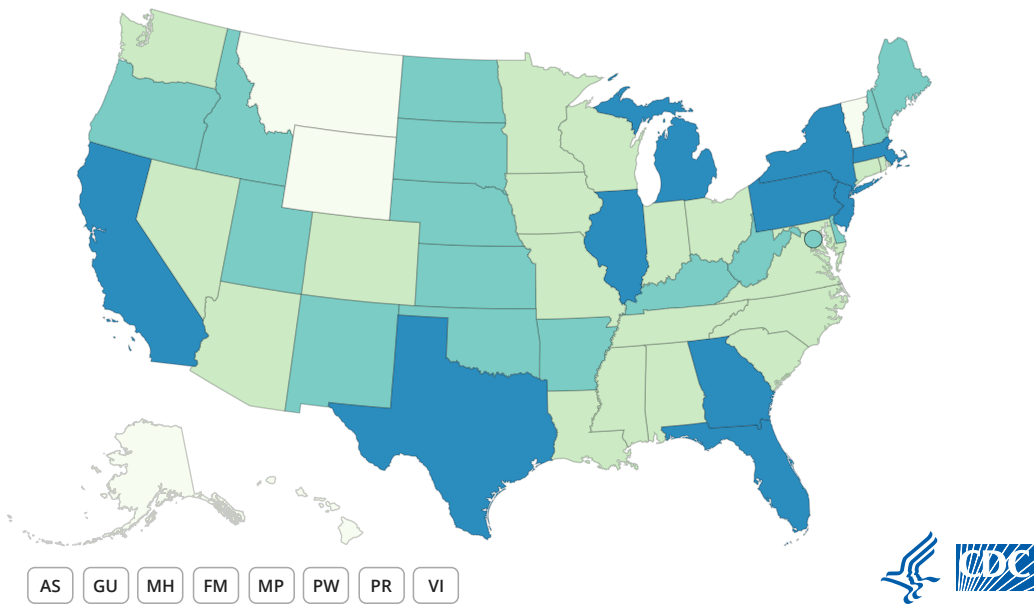
New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

Số ca tử vong theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Số ca tử vong đã báo cáo

☐ 0 to 100 ☐ 1,001 to 5,000 ☐ 101 to 1,000 ☐ 5,001 trở lên

Khu vực phân quyền			
Khu Vực Phân Quyền	Số Tử Vong Đã Xác N	Số Tử Vong Có Thể Có	Tổng Số Tử Vong
☐ Alabama	1,942	69	2,011
☐ Alaska	N/A	N/A	31
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	4,500	256	4,756

☐ Arkansas 	N/A	N/A	674
☐ California 	N/A	N/A	11,988
☐ Colorado 	1,573	345	1,918
☐ Connecticut 	3,574	886	4,460
☐ Delaware 	531	69	600
☐ Washington D.C. 	N/A	N/A	604
☐ Florida 	N/A	N/A	10,274
☐ Georgia 	N/A	N/A	5,092
☐ Guam 	N/A	N/A	6
☐ Hawaii 	N/A	N/A	47
☐ Idaho 	277	29	306
☐ Illinois 	7,874	209	8,083
☐ Indiana 	3,001	217	3,218
☐ Iowa 	N/A	N/A	1,030
☐ Kansas 	N/A	N/A	419
☐ Kentucky 	866	6	872
☐ Louisiana 	4,546	141	4,687
☐ Maine 	N/A	N/A	131
☐ Marshall Islands 	N/A	N/A	0
☐ Maryland 	3,552	139	3,691
☐ Massachusetts 	8,690	231	8,921
☐ Michigan 	6,389	266	6,655
☐ Micronesia 	N/A	N/A	0
☐ Minnesota 	1,767	46	1,813
☐ Mississippi 	2,139	101	2,240
☐ Missouri 	N/A	N/A	1,425
☐ Montana 	90	0	90
☐ Nebraska 	N/A	N/A	376
☐ Nevada 	N/A	N/A	1,227
☐ New Hampshire 	N/A	N/A	429
☐ New Jersey 	14,114	1,829	15,943
☐ New Mexico 	N/A	N/A	743
☐ New York 	N/A	N/A	32,582
☐ North Carolina 	N/A	N/A	2,521
☐ North Dakota 	N/A	N/A	136
☐ Northern Marianas 	2	0	2
☐ Ohio 	3,694	281	3,975
☐ Oklahoma 	725	0	725
☐ Oregon 	417	0	417

	Tổng	Chết	Tổng
Palau	N/A	N/A	0
Pennsylvania	N/A	N/A	7,576
Puerto Rico	251	139	390
Rhode Island	N/A	N/A	1,030
South Carolina	2,372	121	2,493
South Dakota	160	0	160
Tennessee	1,523	40	1,563
Texas	N/A	N/A	11,266
Utah	385	0	385
Vermont	N/A	N/A	58
Virgin Islands	N/A	N/A	10
Virginia	2,324	119	2,443
Washington	N/A	N/A	1,857
West Virginia	N/A	N/A	176
Wisconsin	1,081	8	1,089
Wyoming	37	0	37

New York State’s case and death counts do not include New York City’s counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

Số ca bệnh và tử vong theo quận

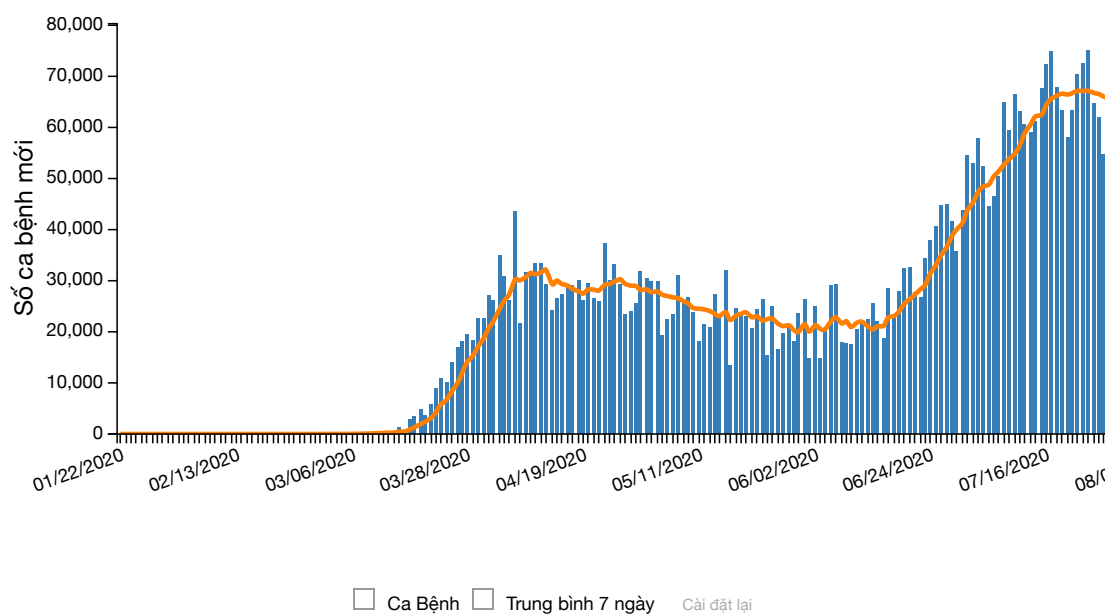
Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAfacts.org](#)

Chọn một Tiểu Bang

Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu

	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0
Trung bình 7 ngày	0	0	0	0	1	1

Cuộn để xem thông tin bổ sung

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 4.241.680 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 951.603 (22,4%) người. Trong số 142.946 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 100.851 (70,6%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG HCP	SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG HCP
142.946	705

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Sở Y Tế](#)

Cập nhật lần cuối ngày 23 tháng 8 năm 2020

Nguồn nội dung: [Trung Tâm Quốc Gia về Chứng Ngừa và Bệnh Hô Hấp \(NCIRD\)](#), [Phân Ban Bệnh Do Vi-rút](#)